TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên toà: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn B, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn S và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa.

Tiền án: Ngày 17-6-2016 bị Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản";* tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 17-01-2008 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp tài sản";*

- Ngày 07-4-2009 bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, tổng hợp với hình phạt tại bản án ngày 17-01-2008 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam, buộc Vũ Văn B phải chấp hành hình phạt chung là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù;

- Ngày 21-4-2011 bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản";*

- Ngày 26-4-2012 bị Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 *(Một triệu năm trăm nghìn)* đồng về hành vi *"Xâm hại sức khoẻ của người khác";*

- Ngày 04-6-2012 bị Ban Công an xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 *(Một triệu)* đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản";*

- Ngày 21-6-2012 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn là 24 (Hai mươi bốn) tháng theo Quyết định số: 831/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

- Ngày 09-02-2018 bị Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Ngày 24-10-2017 bị cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam khởi tố về tội "*Cướp giật tài sản*".

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-10-2017 cho đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn T (tên gọi khác là B), sinh năm 1992, nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T và bà Phạm Thị H; vợ, con: Chưa;

Tiền án: Ngày 08-5-2012 bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 07 (Bẩy) năm tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-8-2016; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24-10-2017 bị cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam khởi tố về tội "*Cướp giật tài sản*";

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24-10-2017 cho đến nay. Có mặt.

3. Trương Quang G, sinh năm 1997; nơi cư trú: Xóm 4, thôn C, xã B, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn Đ và bà Trương Thị Đ; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 04-9-2012 bị Công an huyện Lý Nhân xử phạt hành chính số tiền 750.000 *(Bẩy trăm năm mươi nghìn)* đồng về hành vi *"Gây rối trật tự công cộng"*;

- Ngày 07-6-2016 bị Công an huyện Lý Nhân xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 *(Hai triệu năm trăm nghìn)* đồng về hành vi *"Xâm hại sức khoẻ của người khác"*.

- Ngày 03-01-2018 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân khởi tố về tội "*Cố ý gây thương tích";*

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-01-2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1968, nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976, nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Anh Trương Văn D, sinh năm 1998, nơi cư trú: Xóm 4, thôn C, xã B, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn B và Bùi Văn T quen biết nhau từ trước. Khoảng 12 giờ ngày 02-10-2017, B gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý nên đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô nhãn hiệu Dream, không đeo biển kiểm soát đến nhà B chở B đi lòng vòng trên các tuyến đường thuộc địa bàn huyện Lý Nhân mục đích trộm cắp mô tô, xe máy. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, cả hai đi đến khu vực cánh đồng thôn B thuộc xóm 9, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 90H4 - 4119 của chị Nguyễn Thị L dựng ở đường bờ ruộng, cách chỗ chị L đang làm cỏ cho cây ngô khoảng 100m. Quan sát thấy xe mô tô không có người trông coi, B dừng xe, đi bộ đến chỗ để để xe mô tô của chị L, dùng vam phá khoá tự chế mang theo để mở khoá điện xe, T đứng cảnh giới. Sau khi mở được khoá điện, B điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được cùng T đi về thị trấn V, huyện Lý Nhân, sau đó B đi xe về nhà mình cất giấu, trên đường đi B tháo gương và biển kiểm soát xe mô tô vừa trộm cắp được vứt ở vệ đường nhưng không rõ địa điểm.

Đến ngày 05-10-2017, Trương Quang G (là bạn của B) đến nhà B chơi, B khoe với G *"tao vừa nhảy được con xe muốn bán"*, G hiểu ý B nói xe trộm cắp nên hỏi mua xe mô tô này để làm phương tiện đi lại, cả hai thoả thuận giá cả là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng. Sau đó G dùng xe mô tô mua của B làm phương tiện đi lại.

Quá trình điều tra: Ngày 23-10-2017, ông Trần Huy T ở xóm T, xã C, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, không đeo biển kiểm soát, số khung là RLHHA0806YA-143672, số máy HA08E-1446746 của Bùi Văn T gửi ông T để rửa xe.

Ngày 24-10-2017, ông Trương Văn Đ là bố đẻ của Trương Quang G giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, không đeo biển kiểm soát, số máy của xe này là HA08E-1029844, số khung là RLHHA08018Y025281.

Tại kết luận định giá tài sản số: 14/2017/KL-ĐGTS ngày 30-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Hà Nam, kết luận: *Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream đã qua sử dụng, màu sơn nâu, không có biển kiểm soát, số khung 08018Y025281, số máy 1029844 trị giá 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng.*

Tại cơ quan điều tra: Vũ Văn B, Bùi Văn T và Trương Quang G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho người bị hại là chị Nguyễn Thị L. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn tạm giữ của B và T một số đồ vật, tài sản khác, đây là những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của B ở vụ án *"Cố ý gây thương tích";* của T ở vụ án *"Cướp giật tài sản"* nên cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý ở vụ án khác. Đối với chiếc xe mô tô do ông Trần Huy T giao nộp, được cơ quan điều tra xác định

đây là vật chứng liên quan đến vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên đã bàn giao cho cơ quan điều tra - Công an huyện Hưng Hà để điều tra, làm rõ theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Chị L đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 02-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Vũ Văn B và Bùi Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Trương Quang G về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vũ Văn B khai: Khoảng 12 giờ ngày 02-10-2017, bị cáo gọi điện rủ Bùi Văn T đi trộm xe máy, T đồng ý và đi xe máy Dream đến nhà đón bị cáo đi vòng các tuyến đường xem có chiếc xe nào sơ hở để lấy trộm. Khoảng 16 giờ cùng ngày, các bị cáo đi đến khu vực thôn B, xã N, huyện Lý Nhân thấy có chiếc xe máy của chị Nguyễn Thị L dựng ở vệ đường, bị cáo xuống xe, dùng vam phá khoá lấy trộm chiếc xe máy này, T đứng cảnh giới, sau đó cả hai đi về nhà. Ngày 05-10-2017, bị cáo đã bán xe cho Trương Quang G với giá 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, bị cáo tiêu sài cá nhân hết không chia cho T đồng nào. Bị cáo đề nghị được nhận lại các tài sản thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra.

- Bị cáo Bùi Văn T khai: Bị cáo B rủ bị cáo đi trộm cắp xe máy, bị cáo đồng ý và lấy xe máy của mình chở B đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ ngày 02-10-2017, các bị cáo đi đến cánh đồng thôn B, xóm 9, xã N, huyện Lý Nhân, thấy có chiếc xe mô tô Dream dựng ở vệ đường, không có người trông coi, bị cáo dừng xe đứng cảnh giới cho B lấy chiếc xe mô tô nêu trên. Sau đó cả hai đi về thị trấn V, huyện Lý Nhân, bị cáo B đi về nhà, còn bị cáo đi chơi. Bị cáo B không chia cho bị cáo số tiền bán tài sản trộm cắp được cho bị cáo G. Bị cáo đề nghị được nhận lại các tài sản thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra.

- Bị cáo Trương Quang G khai: Ngày 05-10-2017, bị cáo B nói trộm cắp được xe mô tô và có nhu cầu bán, do bị cáo không có xe đi nên đã đồng ý mua xe của bị cáo B trộm cắp được với giá 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng để sử dụng. Bị cáo đề nghị được nhận lại các tài sản thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo, đề nghị xử phạt các bị cáo:

Vũ Văn B từ 24 đến 30 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tổng hợp hình phạt với bản án số: 11/2018/HSST ngày 09-02-2018 của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Bùi Văn T từ 18 đến 24 tháng tù, Trương Quang G từ 12 đến 15 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định tố tụng của người và cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên toà, người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định của người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các chứng cứ trong vụ án là khách quan.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên toà là phù với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 02-10-2017, Vũ Văn B và Bùi Văn T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90H4 - 4119 trị giá 8.500.000 *(Tám triệu năm trăm nghìn)* đồng của chị Nguyễn Thị L dựng ở khu vực cánh đồng thôn B, thuộc xóm 9, xã N, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ngày 05-10-2017, tại nơi ở của Vũ Văn B ở thôn L, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, Trương Quang G biết rõ chiếc xe mô tô là tài sản của Vũ Văn B do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn thoả thuận mua với giá 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, để sử dụng.

Hành vi nêu trên của Vũ Văn B và Bùi Văn T đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi nêu trên của Trương Quang G đã phạm vào tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

Đối với vụ án *"Trộm cắp tài sản",* các bị cáo đồng phạm giản đơn. Bị cáo B là người rủ rê lôi kéo, chuẩn bị công cụ phạm tội, thực hiện tội phạm tích cực nên giữ vai trò đầu vụ; bị cáo T là người thực hành nên giữ vai trò thứ hai. Đối với vụ án *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có",* bị cáo G phạm tội độc lập.

Bị cáo B có một tiền án về tội *"Trộm cắp tài sản";* bị cáo T có một tiền án về tội *"Cố ý gây thương tích"*, đều chưa được xoá án tích nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"tái phạm"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội - đây là tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo G lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo đều có sức khỏe nhưng lười lao động, chỉ vì tư lợi cá nhân mà bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội, gây hoang mang, bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo B có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án, nhiều lần vi phạm pháp luật; bị cáo T, G có nhân thân xấu. Các bị cáo hiện nay đều đang bị tiếp tục điều tra, truy tố, xét xử về hành vi phạm tội khác. Điều đó chứng tỏ việc cải tạo, giáo dục các bị cáo là rất khó khăn nên cần phải áp dụng

mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm chấp hành án, sớm hoà nhập cộng đồng xã hội.

Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án số: 11/2018/HSST ngày 09-02-2018 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã bị xử phạt bị cáo B 18 (Mười tám) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* nên phải tổng hợp hình phạt bản án nêu trên với bản án này theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không cần thiết phải phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo không có tài sản như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Tại phiên toà, các bị cáo đều có ý kiến đề nghị được nhận lại các tài sản thu giữ trong quá trình điều tra. Xét thấy, các bị cáo B, T, G đều đang bị tiếp tục điều tra, truy tố, xét xử về các vụ án khác. Kết luận điều tra đề nghị không xử lý về tài sản thu giữ của các bị cáo trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng bán xe máy do phạm tội mà có, bị cáo B đã tiêu sài cá nhân hết nên cần phải truy thu sung quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 33, khoản 1 Điều 51 (áp dụng đối với bị cáo Vũ Văn Biển) Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Vũ Văn B, Bùi Văn T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Quang G.

1. Về tội danh:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Vũ Văn B và Bùi Văn T (tên gọi khác là B) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Bị cáo Trương Quang G phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Văn B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số: 11/2018/HSST ngày 09-02-2018 của Toà án nhân dân

huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 18 (Mười tám) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Cộng hình phạt chung của hai bản án, bị cáo phải chấp hành là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 24 tháng 10 năm 2017.

- Bị cáo Bùi Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 24 tháng 10 năm 2017.

- Bị cáo Trương Quang G 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 13 tháng 01 năm 2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Truy thu của bị cáo Vũ Văn B số tiền 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng do phạm tội mà có, nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn B, Bùi Văn T và Trương Quang G mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; người bị hại.
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Trưởng